

## Thuyết Bốn Đế

### Giáo sư Minh Chi

-[01]-

Đức Phật sau khi thành đạo vài tuần dưới gốc cây Bồ Đề, bèn lên đường đến vườn Nai, ngoại thành Bénarès (Ba la Nại), thuyết pháp cho năm người bạn đồng tu cũ, là các ông Kiều Trần Như... được Phật lựa chọn như là những người có khả năng nhưt đề tiếp thu giáo lý đạo Phật. Chủ đề của bài thuyết pháp đầu tiên của Phật là Bốn đế, tức là bốn chân lý.

#### NỘI DUNG BÀI THUYẾT PHÁP ĐẦU TIÊN:

Trong kinh "Chuyển pháp Luân" có ghi lại bài thuyết pháp đầu tiên của Phật về Bốn đế. Đại khái như sau:

"Này các Tỷ kheo, sanh là khổ, già cũng là khổ, bệnh cũng khổ, chết cũng khổ, gần kề mình không ưa là khổ; xa người mình yêu cũng khổ, cầu không được là khổ, chấp chặt năm uẩn là khổ. Như vậy khổ là một chân lý thánh (Khổ Thánh đế).

Lại nữa, này các Tỷ kheo! Dẫn tới luân hồi và tái sanh là lòng ham thích và thèm khát, nơi nào ham thích đều thèm khát mong cầu, đó là chơn lý thánh về nguyên nhân của sự khổ (Khổ tập thánh đế).

Lại nữa, này các Tỷ kheo! Xa lìa, đoạn trừ lòng ham thích, thèm khát nói trên, giải thoát không còn vướng mắc, đó là chơn lý thánh diệt khổ (Khổ diệt Thánh đế).

Lại nữa, này các Tỷ kheo! Tám con đường đạo chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định là con đường diệt Khổ (Khổ diệt đạo thánh đế).

#### BA GIAI ĐOẠN NHẬN THỨC VÀ THỰC HÀNH THUYẾT BỐN ĐẾ:

Đối với thuyết Bốn đế, giai đoạn đầu tiên của người tu học là:

- (1). Thông suốt về mặt lý luận, nhận thức bốn đế là chơn lý không sai.
- (2). Giai đoạn hai là căn cứ vào nhận thức lý luận đó, mà có hành động th'c tiễn hằng ngày, về ý nghĩ, cũng như về lời nói và hành động, không bao giờ sai chệch.
- (3). Trên cơ sở thực hành được sự nhưt trí giữa lý luận và thực tiễn, con người đạt tới chỗ hoàn thiện về nhân cách.

Sách Phật gọi đó là ba lần chuyển. Lần chuyển thứ nhưt là khai thị cho người nghe thấy được đạo lý (sau này, luận A Tỷ Đàm gọi là kiến đạo), lần chuyển thứ hai gọi là khuyến khích người nghe sống và ứng xử theo đúng đạo lý đã được nghe (Luận A Tỷ Đàm gọi là tu đạo) và giai đoạn ba là người tu đạo đạt tới thánh quả Vô lậu và được giải thoát. Luận A Tỷ Đàm gọi là chứng đạo, người tu hành chứng đạo trở thành bậc Thánh vô lậu tức A La Hán. Vô lậu nghĩa là không còn khuyết điểm sai sót gì nữa.

#### THUYẾT BỐN ĐẾ VÀ LÝ DUYÊN KHÔI:

Trong bốn đế thì hai đế khổ và tập nói về sự khổ và nguyên nhân của sự khổ, giải thích quá trình lưu chuyển sinh tử của con người từ đời này sang đời khác. Gọi chung là duyên khởi của sự lưu chuyển hay luân hồi.

Còn hai đế diệt và đạo, nói về cảnh giới lý tưởng đoạn trừ mọi nỗi khổ (tức Niết bàn) và nguyên nhân dẫn tới cảnh giới lý tưởng đó. Gọi chung là duyên khởi của sự hoàn diệt.

**Khổ đế:** thuyết minh thể giới hiện thực đầy đau khổ.

**Tập đế:** căn nguyên của thể giới hiện tượng đầy đau khổ.

**Diệt đế:** Thể giới lý tưởng giác ngộ và giải thoát, tức Niết bàn.

**Đạo đế:** con đường đạo dẫn tới cảnh giới Niết Bàn.

## **BỐN ĐẾ VÀ NGUYÊN LÝ TRỊ BỆNH:**

Phàm phu là người bệnh. Bệnh ấy là khổ, Phật là thầy thuốc. Thầy thuốc trước hết chẩn đoán bệnh và tìm ra nguyên nhân của bệnh. Nguyên nhân của bệnh là lòng thèm khát, chấp thủ. Phật chỉ cho thấy cảnh giới lý tưởng không bệnh là Niết bàn, đồng thời cũng chỉ bày phương thuốc chữa trị, là con đường đạo (Bát chánh đạo), dẫn tới đoạn trừ mọi khổ não và chứng đạt cảnh giới lý tưởng Niết bàn.

Về thuyết Bốn đế, T?p A Hàm quyển 15 viết: "Thời ấy, Đức Thế Tôn bảo các Tỷ kheo! Có bốn thánh đế. Bốn Thánh đế là gì? Khổ thánh đế, Khổ tập thánh đế, Khổ diệt thánh đế, Khổ diệt đạo tích thánh đế. Nay các Tỷ kheo, ở Khổ thánh đế, nên biết, nên hiểu. Ở tập Thánh đế nên biết nên đoạn. Ở khổ diệt thánh đế, nên biết nên chứng. Ở khổ diệt đạo tích thánh đế, nên biết nên tu!"

Một câu hỏi: sao lại viết "Khổ diệt đạo tích thánh đế"?

- Tích là dấu vết. Thánh đế về dấu vết của đạo diệt khổ".

Trong kinh Niết bàn, Thánh đế được gọi là chân đế. Trong phẩm "Phạm hạnh" viết: "Phật nói với các Tỷ kheo! Xưa, ta và các người, ngu si không có trí tuệ, không có thể hiểu biết được như thực về bốn chân đế, do đó mà trôi dạt mãi trong vòng sanh tử, chìm nơi biển khổ lớn. Bốn chân đế ấy là gì? Khổ, tập, diệt, đạo".

Nghĩa chữ đế: Đế là chơn thực, không hư vọng. Sách Nghĩa Lâm Chương viết: đế có nghĩa là thực. Sự là sự thực. Lý là lý thực. Cả lý và sự đều không sai. Cho nên gọi là đế...

Các Thánh đế là các chơn lý, các nguyên lý chơn thực mà các bậc Thánh đã chứng ngộ, là các chơn lý giúp chúng ta vượt qua địa vị phàm phu, tiến lên hàng bậc thánh. Các tên gọi khác là bốn chân đế, hay bốn đế pháp.

-ooOoo-

## **I. KHỔ ĐẾ:**

### **Chân lý về sự khổ:**

Phương pháp nhận thức của Phật là thực tiễn, tuyệt đối không có gì là siêu hình hay thần thoại. Phật nói thẳng đời người khổ như thế nào: già khổ, ốm khổ, sanh khổ, chết khổ, xa người mình yêu là khổ, gần người mình không ưa là khổ, cầu không được là khổ... Đây là những nỗi khổ rất thực tế mà ai cũng cảm nhận được, miễn là có chút lương tri.

Cách phân tích khổ theo Phật giáo Nam Tông:

Cuốn "Thanh tịnh đạo luận" phân tích chi tiết thành 12 loại khổ:

- 1/ Sanh là khổ
- 2/ Già là khổ.
- 3/ Bệnh là khổ
- 4/ Buồn rầu (sorrow) là khổ
- 5/ Rên la là khổ (lamentation)
- 6/ Đau đớn là khổ (pain)
- 7/ Ưu tư là khổ (grief)
- 8/ Thất vọng là khổ (despair)
- 9/ Gắn gũi người mình ghét là khổ
- 10/ Xa người mình thương là khổ
- 11/ Không có được cái mình mong muốn là khổ
- 12/ Nói tóm lại, tức năm thủ uẩn là khổ.

Điểm khác giữa sự phân tích của Phật giáo Nam Tông với Phật giáo Bắc Tông là ở các điểm từ 4 đến 8, và cuối cùng là điểm 12, mà Bắc Tông thường gọi là ngũ ấm xí thịnh khổ. Chúng ta sẽ bắt đầu từ điểm 4 buồn rầu là khổ.

(4) Buồn rầu, bản dịch Anh ngữ của Thanh tịnh đạo luận gọi là sorrow và Buddhaghosa (Hán dịch âm là Phật Âm) giải thích là nỗi buồn hun cháy trong tâm người, thí dụ khi có người thân qua đời, một nỗi buồn liên tục và kéo dài.

(5) Rên la là khổ. Bản dịch Anh ngữ cuốn "Thanh tịnh đạo luận" gọi là Lamentation, dịch là rên la, gào thét, tức một nỗi buồn bộc lộ ồn ào. Buồn rầu đã là khổ rồi, buồn rầu thêm kêu gào, rên la lại càng khổ hơn.

(6) Đau đớn là khổ. Bản Anh ngữ cuốn "Thanh tịnh đạo luận" dịch là "pain". Phật Âm giải thích là sự đau đớn trong thân.

(7) Ưu tư là khổ. Bản Anh ngữ cuốn "Thanh tịnh đạo luận" dịch là grief, và Phật âm giải thích là nỗi buồn trong tâm. Tâm bị o ép nặng nề. Người ưu tư, tuy đau trong tâm, nhưng nhiều khi bộc lộ nỗi ưu tư của mình bằng nhiều hành động như đấm ngực, ngồi rũ lưng, thậm chí tự tử.

(8) Thất vọng là khổ. Bản Anh ngữ dùng từ despair. Là một tâm trạng suy sụp tinh thần do một sự mất mát nghiêm trọng nào đó đem lại, trên con đường tình yêu danh vọng, làm giàu.

Phật Âm đưa ra ảnh dụ sau đây để phân biệt: buồn rầu giống như nấu nước trên một ngọn lửa cháy âm ỉ. Rên la giống như nước sôi reo trong bình. Thất vọng giống như nước đã đun lên sôi rồi, và sôi cho đến khi cạn.

Điểm thứ (12): Năm thủ uẩn là khổ: Thủ là chấp thủ, nắm bắt làm của mình không chịu buông tha. Năm thủ uẩn là chấp thủ năm uẩn cho nên khổ. Trong "Thanh tịnh đạo luận" dưới mục này, viết: "Nói tóm lại, năm thủ uẩn là đối tượng chấp thủ là khổ".

Bắc tông dùng khái niệm: Ngũ ấm xí thịnh khổ ý tứ là năm ấm, tức năm uẩn lớn mạnh chi phối, đem lại khổ não. Lại có nghĩa, do con người có năm ấm mà chịu nhiều nỗi khổ (cũng có sách viết là ngũ ấm thịnh khổ). Khái niệm ngũ ấm xí thịnh khổ có trong các kinh Trung A Hàm quyển 7, Tăng nhưt A Hàm quyển 17, Du Già sư địa luận quyển 66, Đại Trí Độ Luận quyển 23, Hiền dương Thánh giáo luận quyển 15...

### **Khổ ở cõi ác:**

Bản về cái khổ ở các cõi khổ, cõi ác, sách nói tới địa ngục, nơi khổ cùng cực, một ngày một đêm có tới vạn lần chết, vạn lần sanh: có tám địa ngục nóng, tám địa ngục lạnh, ở đây có cái

khô núi tua tua giáo, lá cây là kiếm. Cõi quý đời thì bụng thường bị đói vì bụng to như cái trống, cuống họng thì bé như cái kim, bị đao chém gây đánh. Cõi súc sanh thì có cái khổ ăn thịt, cấu xé nhau, con thú mạnh ăn tươi nuốt sống con thú yếu. Cõi Tu la có cái khổ hay nóng giận và đánh nhau.

### **Khô ở cõi người và cõi Trời:**

Cõi người có tám khổ, có cái khổ thiên tai, đói kém, ôn dịch... đao binh.

Ở cõi Trời Dục giới có cái khổ, khi hưởng hết phúc phải đọa xuống các cõi sống thấp hơn, khổ hơn. Ở cõi Địa cư thiên có cái khổ phải chiến tranh với A tu La; ở cái cõi Trời Vô sắc, vẫn còn "hành khổ" tuy có thọ mạng lâu 6 vạn kiếp, nhưng rồi cũng trở lại luân hồi trong các cõi.

-ooOoo-

## **II. TẬP ĐẾ**

Nội dung của Tập đế, chân lý về nguyên nhân của Khô là phiền não và nghiệp. Từ sanskrit Samudaya có tiền tố sam nghĩa là tập, tích tập. Do các phiền não tích tập khởi lên dẫn tới tạo nghiệp chông chát.

### **II.A PHIÊN NÃO**

#### **GIẢI THÍCH TỪ NGỮ:**

S. Klesa, P.Kilesa, Hán dịch nghĩa là Hoặc, Trần lao (bụi trần làm cho con người khổ sở).  
Nhiệm: làm dơ bẩn.

Công năng của phiền não là làm rối loạn thân tâm của chúng sinh, gây trở ngại cho việc tu hành chứng đạo, thoát khỏi sanh tử, thế nhập Niết bàn.

#### **CÁC TỪ ĐỒNG NGHĨA VỚI PHIÊN NÃO**

**Tùy miên:** Anusaya, ý tứ là phiền não có sẵn, nhưng dưới dạng tiềm ẩn ở trong tâm người, chờ có nhơn duyên mới biểu hiện. Miên có nghĩa đen là ngủ, nằm ngủ. Tùy có nghĩa là đeo đuổi, không tách rời. Các phiền não nằm phục sẵn trong tâm chúng ta và luôn đeo đuổi chúng ta. Khi phiền não biểu hiện thì sách Phật gọi là *triền*, với nghĩa trôi buộc chi phối. S. parijavasthana; P. pariyutthana.

**Kết:** S.samyojana: Chia thành 3 kết, 5 thượng phần kết, 5 hạ phần kết, 7 kết, 9 kết, 10 kết...

a/ Ba kết: là thân kiến, tức chấp cái thân này là Ta hay của Ta.

Nghi (không có niềm tin ở chân lý, lẽ phải) tương của nghi là do dự, phân vân.

Giới cảm thù, thù là chấp, bám lấy, không chịu buông ra. Có một số giới cảm vô ích, phi lý có hại cho sức khỏe của thân, và sự lành mạnh của tâm, nhưng có người vẫn cho là đúng, bám chặt vào không chịu buông tha, thí dụ tin rằng ép xác làm khổ thân xác, như bò không đi thẳng người, cả đời đứng 1 chân, còn chân kia treo lên... Sống như vậy làm tưởng sẽ được giải thoát và khi chết sẽ được sanh lên cõi Trời.

b/ Năm thượng phần kết: 1) Sắc tham; 2) Vô sắc tham; 3) Trạo cử; 4) Mạn; 5) Vô minh;

1) **Sắc tham**: là thêm muốn cuộc sống ở cõi Trời sắc giới.

2) **Vô sắc tham**: thêm muốn cuộc sống ở cõi Trời Vô sắc. Ở đây cần phải chú ý là, theo đạo Phật cuộc sống ở hai cõi Trời Sắc giới và Vô Sắc giới tuy sung sướng hơn rất nhiều so với cõi Người, nhưng vẫn chưa phải là ra khỏi được vòng luân hồi sanh tử, chưa được giải thoát, chưa phải là cảnh giới Niết bàn.

3) **Trạo cử**: thân tâm lăng xăng, không yên.

4) **Mạn**: kiêu ngạo.

5) **Vô minh**: tức là si.

Năm kết sử này, vừa nặng nề vừa nhẹ nhiệm, nên khó đoạn phải chứng quả A La Hán mới được trừ hết (cho nên gọi là Thượng phần Kết, tức là loại kết sử cao cấp) cũng gọi là 5 độn sử. Theo Hữu bộ, tham, sân, si, mạn, nghi là 5 độn sử.

c/ Năm hạ phần kết

Kết sử hạ cấp, vì thô cho nên dễ đoạn trừ hơn, so với thượng phần kết sử.

1) Dục tham

2) Sân giận

3) Thân kiến (chấp thân 5 uẩn này là Ta hay của Ta). Vì vậy cũng gọi là hữu thân kiến, hay ngã kiến.

4) Nghi

5) Giới cấm thủ.

Chứng được quả A Na Hàm (quả Thánh thứ ba) thì đoạn hết 5 hạ phần kết sử này (cũng gọi là 5 lợi sử). Theo hữu bộ, thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ là 5 lợi sử.

d/ Bảy kết:

1) Dục tham

2) Sân giận

3) Tà kiến

4) Nghi

5) Mạn

6) Hữu tham (tham muốn tồn tại)

7) Vô minh.

e/ Chín kết:

1) Ái; 2) Sân giận; 3) Mạn; 4) Vô minh; 5) Kiến (tà kiến); 6) Giới cấm thủ; 7) Nghi; 8) Tật (ghen ghét); 9) Xan (keo kiệt).

f/ Mười kết: Trong chín kết nói trên, chia Ái làm hai: Dục tham và Hữu tham.

**Cái**: S. Nivarana. Cái ngăn che.

**Năm cái:** Dục tham, sân giận, hôn trầm thụy miên (viết tắt là hôn miên), trạo hối (cũng gọi là trạo cử) và nghi. Nhập sơ thiền thì bỏ được 5 cái nói trên.

**Ách:** cái ách bò, trông vào cổ con bò, phiền não cũng như ách bò, nhưng trông vào cổ người (S. Yoga) ách = Dục hữu, kiến, vô minh.

**Lậu:** S. Asrava, Rasava (sai sót, khuyết điểm) có ba lậu: Dục lậu: sai sót vì đam mê dục vọng; Hữu lậu, sai sót vì đam mê tồn tại ở 2 cõi trời sắc và vô sắc; Vô minh lậu, sai sót vì ngu si.

**Bộc lưu:** S. Ogha: giòng chảy xiết. Có bốn Bộc lưu là: dục tham, hữu tham, kiến (tà kiến, vọng kiến), vô minh.

**Hệ:** trói buộc, S. grantha; P. gantha, các từ có nghĩa tương tự là Hệ phược, kết phược.

Có bốn hệ: Dục, hữu, kiến, vô minh.

Ngoài ra, có các từ Tam hòa (3 ngọn lửa), Tam cấu (ba cái như bản), Tam độc (ba độc).

Cụ thể tức là tham dục, sân giận và ngu si.

**Tiền:** mũi tên. Phiền não ví như mũi tên.

**Trù lâm:** rừng rậm. Phiền não nhiều như rừng rậm.

**Kết phược:** phiền não kết liền lại, kết tụ lại để trói buộc chúng sanh. S.jata.

**Tăng thịnh:** S. Utsada, P. Ussada; phiền não và dục vọng, càng tìm cách thỏa mãn chúng, thì chúng càng tăng trưởng.

Người tu hành, khi chứng quả Tu đà hoàn (tức là quả Dự lưu hay Sơ quả) thì đoạn trừ được ba phiền não là *thân kiến, nghi và giới cấm thủ*.

Khi chứng quả A Na Hàm tức là quả Bất Lai thì đã đoạn hết mọi phiền não thuộc Dục giới, tức đoạn hết năm hạ phần kiết sử, đến quả A La Hán thì đoạn luôn năm thượng phần kiết sử, (tức là mọi phiền não của Sắc giới và Vô sắc giới).

Các bậc Thánh gọi là 4 đôi, 8 chứng theo kinh nguyên thủy. Bốn đôi đồng nghĩa với tám chứng:

1. Hướng tới Tu Đà Hoàn (Sơ quả, 1 đôi, cũng gọi là Dự Lưu)
2. Đã chứng Tu Đà Hoàn - 2 đôi.
3. Hướng tới Tu Đà Hàm (Nhất lai)
4. Đã chứng Tu Đà Hàm - 3 đôi
5. Hướng tới A Na Hàm.
6. Đã chứng A Na Hàm - 4 đôi
7. Hướng tới A La Hán.
8. Đã chứng A La Hán.

Quá trình tu chứng bốn quả Thánh: Tu đà Hoàn, Tu đà Hàm, A Na Hàm, A la Hán chia làm ba giai đoạn: Kiến đạo vị - Tu đạo vị - và Cứu kính vị. Vị là quả vị. Quả vị cứu kính là quả A La Hán.

Trong giai đoạn Kiến đạo thì đoạn trừ kiến hoặc, tức là mọi mê lầm, mê hoặc trong kiến giải, nhận thức, đồng thời đoạn trừ mọi phiền não, gắn với kiến hoặc. Trong giai đoạn tu đạo, thì đoạn trừ mọi tu hoặc. Đoạn hết kiến hoặc và tu hoặc thì sẽ chứng quả A La Hán. Tu hoặc cũng gọi là Tu hoặc là những mê lầm chỉ có hành trì tu trì mới đoạn trừ được.

## **Phân biệt kiến hoặc và tư hoặc:**

Kiến hoặc là mê lầm về lý luận, về kiến giải. Những mê lầm này không phải bẩm sinh, mà do học tập sai lầm, học không đến nơi đến chốn mà có. Nếu được nghe chánh pháp, gần bạn lành, thì sẽ đoạn trừ được kiến hoặc. (Vì vậy mà cũng gọi là Lợi sử, Sử là hoặc, phiền não). Tư hoặc là phiền não bẩm sinh, rất khó đoạn trừ, mặc dù biết chúng là sai lầm đưa đến khổ não. Vì đó là sai lầm đã thành thói quen phải tu hành lâu dài, kiên trì, mới trừ bỏ được, cho nên cũng gọi chúng là độn sử, tức kiết sử trì trệ, khó đoạn.

Thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ là năm lợi sử (5 hạ phần kiết).

Tham, sân, vô minh (si), mạn, nghi là năm độn sử (năm thượng phần kiết).

## **Sáu loại, mười loại phiền não căn bản:**

Trong kiến hoặc và tư hoặc, cái chủ yếu là các phiền não căn bản. Các sách phân biệt có sáu loại và 10 loại phiền não căn bản. Trong số này, tham, sân, si là ba loại nổi bật nhất, đứng hàng đầu, và trong ba loại này, thì si cũng gọi là vô minh là căn bản nhất. Ví dụ, trong 12 nhơn duyên, vô minh được xếp hàng đầu.

Sáu loại phiền não căn bản sắp xếp như sau:

1/ Tham; 2/ Sân; 3/ Si (vô minh); 4/ Mạn; 5/ Nghi; 6/ Kiến giải sai lầm (gọi tắt là kiến).

Kiến giải sai lầm thường gọi tắt là kiến và phân tích thành năm mục:

- Thân kiến
- Biên kiến,
- Tà kiến,
- Kiến thủ,
- Giới cấm thủ

Tổng hợp lại thành 10 phiền não căn bản (do kiến tách thành năm loại kiến). Trong 10 phiền não căn bản liệt kê trên đây thì tham, sân, si, mạn là tư hoặc. Nghi và kiến là kiến hoặc.

Tư hoặc cũng có 10 loại: 4 loại ở Dục giới, 3 loại ở sắc giới và 3 loại ở vô sắc giới.

Ở Sắc giới và Vô sắc giới không còn có sân, chỉ có tham, si, mạn, tổng cộng là 10 tư hoặc:

Tham, sân, si, mạn ở Dục giới  
Tham, si, mạn ở Sắc giới,  
Tham, si, mạn ở Vô sắc giới.

Tám mươi tám kiến hoặc: là tổng số kiến hoặc ở ba giới. Đây là cách phân chia của A Tỳ Đàm, chi lý và phức tạp cho nên không thể bàn ở đây.

Tám mươi một tư hoặc: đem sắc giới chia làm bốn cấp, ứng với bốn cấp thiền sắc giới. Đem Vô sắc giới chia làm bốn cấp, ứng với bốn cấp thiền của vô sắc. Và mỗi cấp như vậy lại chia thành ba cấp vị: thượng, trung, hạ: chín cấp. Mỗi cấp có chín vị. Tổng cộng thành 81 Tư hoặc.

## **Các cách xếp loại phiền não:**

Về xếp loại phiền não, môn Duy thức học có sự xếp loại hoàn chỉnh hơn, lập thành biểu như sau:

Phiền não căn bản (6):

1. Tham; 2. Sân; 3. Si; 4. Mạn; 5. Nghi; 6. Kiến.

Tùy phiền não (20), chia làm:

Tiểu tùy phiền não (10).

1. Phẫn; 2. Hận; 3. Phú; 4. Não; 5. Tật; 6. Xan; 7. Cuồng; 8. Siểm; 9. Kiêu; 10. Hại;

Trung tùy phiền não (2): 11. Vô tâm; 12. Vô quý.

Đại tùy phiền não (8):

13. Hôn trầm; 14. Trạo cử; 15. Bất tín; 16. Giải đãi (lười); 17. Phóng dật (buông thả, phóng túng); 18. Thất niệm (hay quên, không nhớ điều thiện, điều phải); 19. Tán loạn; 20. bất chánh tri.

Dưới đây sơ lược giải thích từng món phiền não:

### **Căn bản phiền não:**

1. **Tham:** (S. Lobha, raga, abhidhya; P. abhijja) cũng gọi là ái (S. trsna, P. tanha).

Lòng tham ở cõi Trời Sắc giới gọi là Sắc tham.

Lòng tham ở cõi Trời vô sắc giới gọi là Vô sắc tham.

2. **Sân:** S. dvesa, dosa, pratigha; P. patigha, vyapada, tức là tỏ thái độ cự tuyệt, phản kháng đối với điều mình không hoan hỷ, thích thú. Các tùy phiền não phẫn, hận, hại, đều thuộc phạm vi của sân. Phẫn (S. Krodha; P. Kodha) là giận dữ đến mức độ kịch liệt. Hận (Upanaha), là giận ôm ấp trong lòng, như nói oán hận. Hại (Vihimasa) do giận mà có hành vi hại người, hại vật.

3. **Mạn:** Mana, tức là đề cao mình, hạ thấp người khác xuống, xem mình là trung tâm của tất cả. Sách Phật phân biệt ba mạn:

- Ngã thắng mạn, Alimana. Là tự cho mình hơn người.

- Ngã đẳng mạn, tự cho mình bằng người, Mana.

- Ngã liệt mạn, tự cho mình kém người (một cách không thực), avamna, cũng gọi là ty mạn hay ty hạ mạn.

Có sách phân biệt 7 mạn:

1/ Mạn, 2/ Quá mạn, 3/ Mạn quá mạn, maha-timaha, 4/ Ty mạn, 5/ Tăng thượng mạn, Manatimaha, adhimana, 6/ Ngã mạn asmimaha, 7/ Tà mạn, mithymana, micchamana.

Trong tùy phiền não, có kiêu, mada thường dùng trong hợp từ kiêu mạn. Tuy nhiên, mạn khác với kiêu là so với người, cho rằng mình hơn gọi là mạn. Còn kiêu là một sự tự hào, không có so sánh với người khác.

4. **Vô minh:** S. Avidya, P. Avijja. Cũng gọi là ngu si, moha, là không hiểu biết hay là hiểu biết sai sự lý của duyên khởi, của bốn đế.

5. **Kiến:** S. Drsti P. ditthi, tức là mọi kiến giải sai lầm. Hữu bộ phân biệt có năm loại kiến:



a/ Thân kiến: S. satkaya drsti, P. sakkayaditthi. Tức là thấy có thân của ta, cũng dịch âm là Tất cả gia kiến. Chấp năm uẩn là Ta, là của Ta.

b/ Biên kiến: S. Antagraha drsti; P. antaggaha ditthi. Cũng gọi là biên chấp kiến. Nghĩa là có thái độ cực đoan, tuyệt đối chấp vào một bên, như chấp thế gian là thường còn hay đoạn diệt, vũ trụ là hữu biên hay vô biên...

c/ Tà kiến: S. mithya drsti; P. Miccha ditthi, nghĩa rộng là mọi kiến giải tà ác, sai lầm. Nhưng ở đây chỉ cho 10 tà kiến là không bỏ thí, không cúng dường, không tế tự, không thiện ác, và quả báo, không đời này, không đời sau, không cha, không mẹ, không có hữu tình, không có hóa sinh, không có người tu hành chứng quả.

Không chấp nhận lý nonh quả là tà kiến tệ hại nhất, ngoài ra còn có các tà kiến khác như không chấp nhận có Tam bảo.

d/ Kiến thủ: S. Arsti-paramasa, P. Ditthi paramana, cũng gọi là kiến thủ kiến. Tức là tự cho ý kiến của mình là đúng hơn tất cả, ý kiến của các người khác đều là sai lầm, rồi chấp chặt vào ý kiến đó.

e/ Giới cấm thủ kiến: S. Silata-paramana, P. Silabbata paramana. Chỉ cho một số giới luật của ngoại đạo, như giới con chó, giới con voi (giới ngòi chòm như chó, giới đi như voi...) Ngoại đạo cho rằng sống khổ hạnh theo những giới đó thì sẽ được giải thoát hoặc sanh thiên. Hữu bộ phân biệt có hai loại giới cấm thủ là:

(1) Phi đạo kế đạo: không phải là đạo giải thoát mà chấp là đạo giải thoát.

(2) Phi nhân kế nhân: Không phải là nhân sanh thiên mà chấp nhân là nhân sanh thiên.

6. **Nghi:** S. Vicikitsà; P. Vickiccha, chỉ cho lòng hoài nghi Tam bảo, nghi nghiệp báo thiện ác, nghi nhân quả ba đời, nghi thuyết bốn đế...

**Tùy phiền não** (giới thiệu những món chính).

**Xan:** là keo kiệt. Có năm loại keo kiệt là:

**Trú xứ xan:** keo kiệt về nơi ở. **Gia xan:** keo kiệt thu vén cho gia đình. **Lợi dưỡng xan:** keo kiệt về lợi dưỡng. **Xung thân xan:** chỉ muốn một mình mình được khen ngợi. **Pháp xan:** không muốn nói pháp cho người khác được nghe.

11. **Vô tâm:** Nội tâm không biết thẹn.

12. **Vô quý:** Đối với người không biết thẹn.

13. **Hôn trầm:** tâm nặng nề, mê muội.

14. **Trạo cử:** tâm căng thẳng, không định tĩnh, lăng xăng, không yên.

15. **Giải đãi:** lười nhác, không siêng năng, tinh tấn.

16. **Phóng dật:** buông thả, phóng túng.

**Quan hệ giữa trí tuệ và phiền não:**

Phiền não gây chướng ngại đối với đạo Thánh, đối với trí tuệ. Do đó, dùng trí tuệ có thể đoạn trừ phiền não, đoạn trừ hết phiền não tức là giải thoát, là Niết bàn là Bồ Đề (giác ngộ).

-ooOoo-

[Đầu trang](#) | [Mục lục](#) | [01](#) | [02](#) | [03](#) | [04](#) | [05](#) | [06](#)

*Chân thành cảm ơn anh Hồ Trung Mỹ đã gửi tặng bản vi tính (Bình Anson, 02-2002)*

**[[Trở về trang Thư Mục](#)]**

*updated: 25-02-2002*